

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 05/01/2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Duy Phụng - Cán bộ UBND huyện Hàm Yên.

2. Ông: Nguyễn Văn Sơn - Cán bộ Thanh tra huyện Hàm Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị C, sinh năm 1991;

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị C, anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 15/9/2009. Cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N.

- *Về con chung*: Chị và anh N có 03 con chung là cháu Lê Thị L, sinh ngày 06/8/2009, Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 13/6/2011 và Lê Anh T, sinh ngày 29/4/2015. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị L và cháu Lê Thị Thanh Th, chị nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung*: Chị và anh N có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Lê Văn N trình bày*:

Anh và chị Đặng Thị C kết hôn với nhau vào ngày 15/9/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn, căng thẳng gì. Đến năm 2017 chị C bảo đi làm công nhân, sau đó chị C đi luôn không về chung sống cùng anh nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị C xin ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng ly thân đã lâu, nên nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị C.

- *Về con chung*: Anh và chị C có 03 con chung là cháu Lê Thị L, sinh ngày 06/8/2009, Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/4/2015. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Anh T, anh nhất trí để chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị L, cháu Lê Thị Thanh Th và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh N đề nghị không tiến hành hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Chị Đặng Thị C và anh Lê Văn N kết hôn với nhau vào ngày 15/9/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hiện chị C và anh N sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C và xử cho chị C được ly hôn với anh Lê Văn N. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị C phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Đặng Thị C và bị đơn anh Lê Văn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị C và anh Lê Văn N chung sống cùng nhau, sau đó đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/9/2009 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Đặng Thị C và anh Lê Văn N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị C xác định cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án anh N cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị C. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị C và anh N có 03 con chung là cháu Lê Thị L, sinh ngày 06/8/2009; Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/4/2015. Chị C có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị L và cháu Lê Thị Thanh Th, chị nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Anh T, anh nhất trí để chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị L, cháu Lê Thị Thanh Th và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử thấy rằng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Lê Thị L và cháu Lê Thị Thanh Th thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị C. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu đồng thời theo nguyện vọng của chị C và anh N, cần giao cháu Lê Thị L và cháu Lê Thị Thanh Th cho chị Đặng Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lê Anh T cho

anh Lê Văn N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị C và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị C và anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị C và anh N cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Đặng Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn với anh Lê Văn N.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Thị L, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 13/6/2011 cho chị Đặng Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/4/2015 cho anh Lê Văn N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Đặng Thị C phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002277, ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị C đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã P nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến

\

